

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2021

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hữu Chí.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Điệp

Ông Hoài Đức Huệ

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Văn Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 732/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 402/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*Chị Võ Kim T, sinLh năm 1992

*- Bị đơn:* Anh Lưu Văn T1, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: số 1/5, tổ 1, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2020, bản tự khai ngày 30/12/2020 nguyên đơn chị Võ Kim T trình bày:*

Chị và anh Lưu Văn T1 yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2010 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 169/20210, quyền số 01 ngày 24/12/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn mà còn ăn chơi, cờ bạc, và thường hay kiểm chuyện chửi bới,

đánh đập vợ. chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Từ lúc chị nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh T1 được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: chị T và anh T1 chung sống có 01 con chung tên là Lưu Hữu T2, sinh ngày 08/6/2011, hiện đang sinh sống cùng với chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu T2. Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng - 10.000.000 đồng nên không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Lưu Văn T1 trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.*

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Kim T được ly hôn anh Lưu Văn T1.

Về con chung: giao 01 con chung là cháu Lưu Hữu T2, sinh ngày 08/6/2011 cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T1, hiện chị T và anh T1 đều cư trú tại huyện N. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Võ Kim T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Lưu Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt

nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Võ Kim T và anh Lưu Văn T1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện N, tỉnh Đồng Nai vào ngày 24/12/2020 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do anh T1 thường hay ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn phụ giúp gia đình mà còn cờ bạc, chửi bới, đánh đập vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống nên chị T nộp đơn xin ly hôn anh T1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T1 đến lần thứ hai để hoà giải nhưng anh vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh T1 không có thiện chí để hòa giải. chị T và anh T1 đã ly thân nhau từ cuối tháng 12 năm 2020 đến nay nhưng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, theo lời trình bày của chị T thì anh T1 có hành vi bạo hành gia đình là một trong các điều kiện để xem xét giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: giữa chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Lưu Hữu T2, sinh ngày 08/6/2011. Xét thấy việc giao con cho chị T hay anh T1 nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại Tòa, chị T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, chị T hiện cũng có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó để giữ sự ổn định cuộc sống của trẻ cần xem xét giao cháu T2 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị T khai không có nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Võ Kim T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Kim T về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” đối với bị đơn anh Lưu Văn T1.

Xử: Cho chị Võ Kim T được ly hôn với anh Lưu Văn T1.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lưu Hữu T2, sinh ngày 08/6/2011 cho chị Võ Kim T được quyền nuôi dưỡng, anh Lưu Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. anh T1 được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001120 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Dương Hữu Chí**

